

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU
DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020	13 - 51
8. Phụ lục	52 - 54

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301464904, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 38 686 378
- Fax : (84-28) 38 652 322

Công ty có một bộ phận trực thuộc là Ban quản lý Hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình, địa chỉ tại số 02 Đường CN13, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục mầm non;
- Thu gom và vận chuyển rác thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành in, bao bì, nhựa, giấy, kim loại (trừ phế liệu, phế thải) và thiết bị máy móc phục vụ cho ngành sản xuất bao bì và ngành in;
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành in;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ liệu, phụ tùng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phương tiện giao thông vận tải. Bán buôn lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, kiều hối. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế. Đầu tư và hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu. Đầu tư và hợp tác đầu tư xây dựng: nhà, xưởng sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu. Thi công xây dựng: các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, cấp thoát nước và cây xanh (gồm mới và duy tu), các công trình thủy lợi, hệ thống chiếu sáng. Kinh doanh kho hàng, xưởng sản xuất và giao nhận hàng. Dịch vụ: thể dục, thể thao (sân tennis, hồ bơi và các loại hình thể dục, thể thao giải trí khác). Sản xuất, gia công khung kèo thép, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng. Lắp dựng khung kèo thép. San lấp mặt bằng. Vận chuyển hàng hóa, đại lý vận tải. Mua bán vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản. Kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây, chăm sóc cây xanh). Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Duy tu nạo vét cống rãnh. Sản xuất và mua bán nước tinh khiết. Sản xuất suất ăn công nghiệp. Dịch vụ rửa xe. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Sản xuất, chế biến và mua bán các loại thực phẩm, thức ăn gia súc, thủy hải sản. Đào tạo dạy nghề. Sửa chữa bảo trì ô tô và xe cơ giới các loại. Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ và thi công các hệ thống xử lý nước thải, nước tinh khiết, rác, khí thải và các nhân tố gây ô nhiễm môi trường. Trồng rừng. Khai thác cát đen. Khai thác đất sét. Sản xuất gạch gó và nguyên vật liệu xây dựng. Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Tư vấn đấu thầu. Lập dự án đầu tư. Thẩm tra thiết kế và dự toán. Khai thác và xử lý nước ngầm. Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuê hải quan. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại. Kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Cho thuê cao ốc văn phòng. Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá sản giao dịch bất động sản. Quảng cáo. Kinh doanh bất động sản. Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020
Ông Trần Quang Trường	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020
Ông Huỳnh An Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020
Ông Lê Trọng Lập	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020
Bà Trần Thị Thanh Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020
Ông La Ngọc Thông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020
Ông Phan Ngọc Liêm	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Giang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hào	Trưởng ban	Ngày 08 tháng 01 năm 2020
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	Ngày 08 tháng 01 năm 2020
Ông Võ Chí Thanh	Thành viên	Ngày 08 tháng 01 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Trần Quang Trường	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020
Ông La Ngọc Thông	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020
Ông Nguyễn Đình Minh Triết	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Trường - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Quang Trường
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 25 tháng 11 năm 2020



Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam	
	Tel: +84 (028) 3547 2972	Fax: +84 (028) 3547 2970
		kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam	
	Tel: +84 (024) 3736 7879	Fax: +84 (024) 3736 7869
		kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam	
	Tel: +84 (0258) 246 5151	Fax: +84 (0258) 246 5806
		kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam	
	Tel: +84 (0292) 376 4995	Fax: +84 (0292) 376 4996
		kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0026/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU
TƯ TÂN BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 11 năm 2020, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình tại ngày 30 tháng 9 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1



Phan Cao Huyền - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3523-2016-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		301.438.821.576	441.718.928.973
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	120.445.435.710	75.999.821.434
1. Tiền	111		35.445.435.710	35.999.821.434
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000.000	40.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.500.000.000	180.000.138.889
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	140.500.000.000	180.000.138.889
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.616.148.310	74.941.839.196
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	15.979.440.797	49.836.509.938
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.140.312.529	5.354.698.509
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	19.528.589.760	19.752.130.749
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(32.194.776)	(1.500.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.387.082.469	109.781.372.186
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.387.082.469	109.781.372.186
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.490.155.087	995.757.268
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.490.155.087	104.727.273
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	891.029.995
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		840.448.149.012	699.411.821.651
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.719.707.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	14.115.602.131	1.615.602.131
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	5.719.707.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6	(1.115.602.131)	(1.615.602.131)
II. Tài sản cố định	220		23.449.629.869	22.653.050.286
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	23.404.907.650	22.531.661.399
- Nguyên giá	222		151.479.251.778	146.660.426.103
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(128.074.344.128)	(124.128.764.704)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	44.722.219	121.388.887
- Nguyên giá	228		337.000.000	337.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(292.277.781)	(215.611.113)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	240.187.938.300	245.888.282.385
- Nguyên giá	231		512.394.301.587	482.695.780.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(272.206.363.287)	(236.807.497.843)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		113.656.757.116	16.405.962.607
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	110.578.874.572	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	3.077.882.544	16.405.962.607
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		266.728.446.947	262.612.436.911
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	166.809.190.705	210.505.804.427
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	30.221.250.000	26.321.250.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(5.601.993.758)	(4.214.617.516)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	75.300.000.000	30.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		177.705.669.780	151.852.089.462
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	175.372.438.800	149.518.858.482
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	2.333.230.980	2.333.230.980
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.141.886.970.588	1.141.130.750.624

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		369.698.060.532	357.014.935.735
I. Nợ ngắn hạn	310		83.491.721.569	104.908.946.884
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	3.854.553.094	22.410.748.039
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.894.450	16.508.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	16.295.522.430	9.186.533.464
4. Phải trả người lao động	314	V.17	5.946.820.693	5.899.657.722
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18a	70.058.182	70.058.182
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	4.645.946.221	4.745.844.647
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	19.831.632.562	34.796.696.729
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	32.829.293.937	27.782.900.101
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		286.206.338.963	252.105.988.851
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.18b	74.651.125.043	73.031.023.729
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19b	114.960.326.726	116.731.019.105
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	96.594.887.194	62.343.946.017
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

5-C.T.T.N.H.
HẠNH
VÂN
CHÍ MINH ★

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

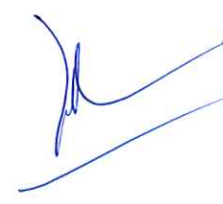
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	181.989.950.294	240.153.638.039
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	840.308.128
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		181.989.950.294	239.313.329.911
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	48.838.978.894	63.190.393.464
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		133.150.971.400	176.122.936.447
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	36.565.699.580	31.122.378.154
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.395.226.279	1.795.922.027
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	717.637.168
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	40.977.773.443	47.216.384.663
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.146.082.720	24.276.289.194
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		105.197.588.538	133.956.718.717
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.034.844.296	645.927.962
12. Chi phí khác	32		55.060	2.006.010.522
13. Lợi nhuận khác	40		1.034.789.236	(1.360.082.560)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		106.232.377.774	132.596.636.157
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	18.843.891.281	25.206.297.908
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		87.388.486.493	107.390.338.249
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.533	3.234
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	2.533	3.234

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2020


 Nguyễn Thị Ngọc Thơm
 Người lập


 Hà Thị Thu Thảo
 Kế toán trưởng


 Trần Quang Trường
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		231.024.695.200	239.455.179.976
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(54.793.639.728)	(74.488.881.778)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.664.173.040)	(26.401.748.419)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(1.165.329.684)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.16	(16.858.995.225)	(27.724.833.461)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		45.832.869.761	30.498.603.128
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(63.944.007.148)	(72.317.165.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		115.596.749.820	67.855.823.962
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(65.762.457.696)	(49.561.316.139)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VII	2.970.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(233.800.000.000)	(238.000.138.889)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	228.000.138.889	160.319.794.705
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(7.265.000.400)	(50.991.632.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2, VI.3	51.487.849.000	36.920.350.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	35.604.783.464	22.283.678.552
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.235.313.257	(119.029.264.271)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	90.055.700.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	7.229.595.080
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(15.623.977.386)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.22	(82.397.764.125)	(71.258.436.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(82.397.764.125)	10.402.881.069
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		44.434.298.952	(40.770.559.240)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	75.999.821.434	116.771.627.995
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.315.324	(1.247.321)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	120.445.435.710	75.999.821.434

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2020

Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lậpHà Thị Thu Thảo
Kế toán trưởngTrần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, mua bán hàng hoá.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận của Công ty năm nay giảm đáng kể so với năm trước do trong năm trước Công ty có ký bổ sung phụ lục hợp đồng cho thuê đất, hạ tầng và thực hiện ghi nhận doanh thu một lần. Ngoài ra, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid, Công ty thực hiện hỗ trợ giảm đơn giá cho khách hàng thuê.

Trong năm Công ty đã thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình Tanimex, thoái một phần vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá Trị và Công ty Cổ phần Dịch vụ Giáo dục Trí Đức và nhận hoàn trả một phần vốn góp từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Nam Sài Gòn

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát	Lầu 4, Toà nhà Tani – Office, Số 475D Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn vật tư, nguyên vật liệu ngành in, bao bì, nhựa, giấy, kim loại và thiết bị, máy móc, phục vụ cho ngành sản xuất bao bì ngành in	23,00%	23,00%	23,00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ Tân Bình	Lầu 3, Toà nhà Tani – Office, Số 475D Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, kho bãi, nhà ở, xưởng sản xuất, cho thuê kho hàng, xưởng sản xuất, kinh doanh khu chung cư	22,14%	22,14%	22,14%
Công ty Cổ phần Dịch vụ – Giáo dục Trí Đức	1333A Thoại Ngọc Hầu, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục trung học sơ sở, trung học phổ thông, mầm non	23,00%	23,00%	23,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Bao bì Việt Phát	Đường Tam Tân, Ấp Bến Đò 2, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất giấy, bao bì	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thịnh Phát	Lầu 2, Toà nhà Tani – Office, Số 475D Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	48,33%	48,33%	48,33%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Nam Sài Gòn	Văn phòng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng của Công ty Cổ phần Long Hậu, Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Giáo dục Đức Nhân	Văn phòng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng của Công ty Cổ phần Long Hậu, Ấp 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	Giáo dục mầm non	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Tân Phú	Lầu 2, Toà nhà Tani – Office, Số 475D Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhựa bao bì Kiến Đức	Lầu 1, Toà nhà Tani – Office, Số 475D Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất bao bì từ plastic, sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, luyện cán cao su tại trụ sở)	24,28%	24,28%	24,28%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có một bộ phận trực thuộc là Ban quản lý Hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình, địa chỉ tại số 02 Đường CN13, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 113 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 116 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thuê đất Khu công nghiệp hiện hữu, chi phí hạ tầng Khu công nghiệp mở rộng và chi phí thuê đất Khu công nghiệp Long Hậu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí thuê đất Khu công nghiệp hiện hữu

Chi phí thuê đất Khu công nghiệp hiện hữu được phân bổ khi phát sinh doanh thu cho thuê đất.

Chi phí hạ tầng Khu công nghiệp mở rộng

Chi phí đền bù và san lấp mặt bằng cho Khu công nghiệp mở rộng được phân bổ trong thời gian 48 năm kể từ năm 2010.

Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Long Hậu

Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Long Hậu được phân bổ được phân bổ 46 năm kể từ tháng 06 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 31
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Cây lâu năm	07
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng và kinh phí đền bù

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	50
San lấp mặt bằng	05 – 49
Kinh phí đền bù	05 – 48

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	46 – 50
Nhà	08 – 30

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê đất

Doanh thu tại Khu công nghiệp hiện hữu đã được ghi nhận doanh thu một lần và kết thúc vào năm 2014. Khu công nghiệp mở rộng ghi nhận doanh thu theo thời gian của dự án.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.078.143.300	1.277.542.400
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	34.367.292.410	34.722.279.034
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	85.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	120.445.435.710	75.999.821.434

⁽ⁱ⁾ Trong đó, khoản tiền gửi ngân hàng để chờ đền bù tái định cư là 25.977.547.577 VND.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	140.500.000.000	140.500.000.000	180.000.138.889	180.000.138.889
Tiền gửi có kỳ hạn	140.500.000.000	140.500.000.000	170.000.138.889	170.000.138.889
Trái phiếu	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Dài hạn	75.300.000.000	75.300.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu	75.300.000.000	75.300.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	215.800.000.000	215.800.000.000	210.000.138.889	210.000.138.889

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	166.809.190.705	-	210.505.804.427	(126.648.658)
Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình Tanimex ⁽ⁱ⁾	-	-	11.107.706.009	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát ⁽ⁱⁱ⁾	14.904.000.000	-	14.904.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất – Dịch vụ Tân Bình Tanimex ⁽ⁱⁱⁱ⁾	23.292.727.271	-	23.292.727.271	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá Trị ^(iv)	-	-	24.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ – Giáo dục Trí Đức ^(v)	7.405.582.887	-	12.959.491.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Việt Phát ^(vi)	27.993.904.000	-	27.993.904.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thịnh Phát ^(vii)	17.250.000.000	-	17.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Nam Sài Gòn ^(viii)	24.500.000.000	-	34.300.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Giáo dục Đức Nhân ^(ix)	18.000.000.000	-	12.000.000.000	(126.648.658)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Tân Phú ^(x)	18.750.000.000	-	18.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhựa bao bì Kiến Đức ^(xi)	14.712.976.547	-	13.447.976.147	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.221.250.000	(5.601.993.758)	26.321.250.000	(4.087.968.858)
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	8.020.000.000	(5.601.993.758)	8.020.000.000	(4.087.968.858)
Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics	1.901.250.000	-	1.901.250.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ Hưng Phát	16.400.000.000	-	16.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá Trị ^(iv)	3.900.000.000	-	-	-
Cộng	197.030.440.705	(5.601.993.758)	236.827.054.427	(4.214.617.516)

- (i) Trong năm, Công ty đã thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình Tanimex.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311640972, thay đổi lần thứ 08 ngày 22 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát 14.700.000.000 VND tương đương 44,55% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát 14.904.000.000 VND, tương đương với 23,00% vốn điều lệ.
- (iii) Trong năm Công ty được trả cổ tức bằng 161.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, nắm giữ 1.771.000 cổ phiếu, tương đương 22,14% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất – Dịch vụ Tân Bình Tanimex (số đầu năm là 1.610.00 cổ phiếu, tương đương 23% vốn điều lệ).
- (iv) Trong năm, Công ty được hoàn trả 1.470.000 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá Trị thực hiện điều chỉnh giảm vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND xuống còn 20.000.000.000 VND. Ngoài ra, trong năm Công ty đã bán 590.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá Trị. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 390.000 cổ phiếu, tương đương 19,50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá Trị (số đầu năm là 2.450.000 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ) nên khoản đầu tư này được chuyển sang trình bày ở khoản mục đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- (v) Trong năm Công ty đã bán 515.474 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ – Giáo dục Trí Đức. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 690.000 cổ phiếu, tương đương 23,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ – Giáo dục Trí Đức (số đầu năm là 1.207.474 cổ phiếu, tương đương 40,25% vốn điều lệ).
- (vi) Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Việt Phát 27.993.904.000 VND tương đương 35% vốn điều lệ.
- (vii) Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thịnh Phát 17.250.000.000 VND tương đương 48,33% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (viii) Trong năm, Công ty được hoàn trả 980.000 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Nam Sài Gòn thực hiện điều chỉnh giảm vốn điều lệ từ 70.000.000.000 VND xuống còn 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 2.450.000 cổ phiếu, tương đương 49,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Nam Sài Gòn (số đầu năm là 3.430.000 cổ phiếu, tương đương 49,00% vốn điều lệ).
- (ix) Trong năm Công ty đã mua thêm 600.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Giáo dục Đức Nhân. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.800.000 cổ phiếu, tương đương 45,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Giáo dục Đức Nhân (số đầu năm là 1.200.000 cổ phiếu, tương đương 30,00% vốn điều lệ).
- (x) Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Tân Phú 18.750.000.000 VND tương đương 49% vốn điều lệ.
- (xi) Trong năm Công ty đã mua thêm 70.278 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhựa bao bì Kiến Đức. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.335.278 cổ phiếu, tương đương 24,28% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhựa bao bì Kiến Đức (số đầu năm là 1.265.000 cổ phiếu, tương đương 23,00% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.214.617.516	3.173.708.924
Trích lập dự phòng bổ sung	1.387.376.242	1.040.908.592
Số cuối năm	5.601.993.758	4.214.617.516

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình		
Tanimex (Tanicons)		
Chi phí thi công các công trình	-	9.970.917.601
Chuyển nhượng tài sản trên đất	-	10.833.420.000
Cho thuê mặt bằng	-	3.000.000
Hoàn trả tiền thuê đất	-	840.308.128
Phải thu tiền điện	-	30.221.570
Cổ tức nhận được	-	878.156.000
Thu phí duy tu cơ sở hạ tầng	-	140.058.912
Chi phí sửa chữa công trình	-	8.222.446
Cho thuê xe cẩu điện	-	42.516.000
Cổ tức phải trả	-	965.521.500
Góp vốn đầu tư	-	3.625.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát		
Cho thuê kho xưởng, mặt bằng, hạ tầng	2.819.580.564	2.546.188.624
Phải thu tiền điện	53.298.050	-
Phải trả tiền điện	243.535.080	362.885.048
Cổ tức nhận được	1.656.000.000	2.227.500.000
Mua hàng hóa	13.500.000	-
Phí dịch vụ bảo trì kho xưởng	831.768.893	420.270.000
Quản lý tòa nhà văn phòng Khu công nghiệp	1.728.000.000	324.000.000
Phí duy tu cơ sở hạ tầng	94.362.240	94.362.240
Phải thu phí xử lý nước thải	1.455.036	532.976
Lãi đầu tư trái phiếu	177.534.247	1.550.000.000
Chi phí ủy thác kinh doanh kho xưởng	5.567.198.433	-
Chi phí tư vấn dự án	17.727.273	255.531.273
Cổ tức phải trả	6.150.000.000	4.950.000.000
Chuyển nhượng cổ phần	1.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ Tân Bình (Taniservice)		
Cho thuê văn phòng	760.320.000	554.970.228
Cho thuê trạm cấp nước	72.000.000	72.000.000
Phải thu phí xử lý nước thải	15.247.980	12.084.194
Chuyển nhượng cổ phần	1.900.000.000	2.825.350.000
Cổ tức nhận được	3.220.000.000	4.389.000.000
Thu phí duy tu cơ sở hạ tầng	694.949.136	694.949.136
Tiền điện	61.811.990	-
Chi phí xăng, nước sinh hoạt	355.239.039	557.394.806
Chi phí lắp đặt đồng hồ nước	10.450.000	39.420.000
Cho thuê hội quán	138.223.800	138.223.800
Cổ tức phải trả	8.625.000.000	7.140.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá Trị		
Chi phí thi công công trình	-	1.211.399.060
Cho thuê kho xưởng	484.278.255	1.735.580.190
Phải thu phí xử lý nước thải	2.338.688	7.985.031
Góp vốn đầu tư	-	4.500.000.000
Cổ tức phải trả	-	1.725.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ – Giáo dục Trí Đức		
Doanh thu cho thuê trường học	4.600.000.000	5.520.000.000
Lãi trả chậm	-	28.436.775
Cổ tức nhận được	-	2.209.432.800
Chi phí tổ chức chương trình team building phải trả	-	437.117.273
Chi phí tham quan du lịch	297.049.000	-
Cổ tức phải trả	687.500.000	375.000.000
Góp vốn đầu tư	-	5.354.851.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thịnh Phát		
Cho thuê văn phòng	90.000.000	-
Cho thuê garage	1.828.738.416	1.799.255.316
Chi phí thuê xe	2.827.000.000	1.996.000.000
Chi phí duy tu cây xanh, gom rác	3.874.666.489	314.225.659
Cho thuê kho	6.202.045.346	1.733.756.680
Phải thu phí xử lý nước thải	6.378.240	8.155.722

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thi công, sửa chữa, lắp đặt	1.591.759.703	3.541.065.835
Cổ tức phải trả	1.787.500.000	1.575.000.000
Thanh lý tài sản cố định	1.558.200.000	2.700.000.000
Cổ tức được nhận	435.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Tân Phú		
Cho thuê văn phòng	-	75.814.200
Chi phí tiền điện	-	2.679.380
Cổ tức phải trả	1.787.500.000	1.575.000.000
Chi phí thi công, giám sát công trình	6.048.234.741	25.100.645.762
Chi phí ủy thác	-	1.712.664.664
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	-	1.957.500.000
Cổ tức được nhận	441.000.000	-
Góp vốn đầu tư	-	2.800.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Nam Sài Gòn		
Cổ tức phải trả	3.983.067.500	1.904.855.000
Hoàn trả vốn góp	9.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Kiến Đức		
Cổ tức nhận được	3.542.000.000	1.521.850.000
Góp vốn đầu tư	1.265.000.400	8.618.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Giáo dục Đức Nhân		
Góp vốn đầu tư	6.000.000.000	11.400.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Việt Phát		
Cổ tức nhận được	1.400.000.000	-
3. Phải thu của khách hàng		
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	609.880.000	2.972.530.000
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Vận chuyển Thịnh Phát	609.880.000	2.970.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình	-	2.530.000
Tanimex (*)	-	-
Phải thu các khách hàng khác	15.369.560.797	46.863.979.938
Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình	-	-
Tanimex (*)	2.226.400	-
Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật và Sản xuất Gốm sứ Kim Trúc	7.074.077.942	17.262.291.594
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xây dựng xuất Gia Hân	1.828.399.056	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thực phẩm Anh Kim	-	13.871.391.358
Công ty Cổ phần Long Sơn	-	9.332.875.750
Các khách hàng khác	6.464.857.399	6.397.421.236
Cộng	15.979.440.797	49.836.509.938

(*) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình Tanimex nên từ ngày 11 tháng 10 năm 2019 Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình Tanimex không còn là bên liên quan nữa.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sản xuất Thực phẩm Anh Kim	13.000.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kinh doanh nhà Êm Đềm	1.115.602.131	1.615.602.131
Cộng	14.115.602.131	1.615.602.131

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>374.396.000</i>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Tân Phú	374.396.000	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>1.765.916.529</i>	<i>5.354.698.509</i>
Công ty TNHH Cơ điện Hữu Phát	1.565.016.529	1.880.207.000
Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Điện lạnh Tâm Đức	-	2.949.920.972
Các nhà cung cấp khác	200.900.000	524.570.537
Cộng	2.140.312.529	5.354.698.509

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	57.488.000	-	95.337.885	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.982.944	-	1.978.078	-
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	3.628.194.520	-	6.196.086.148	-
Lãi trái phiếu dự thu	1.390.285.615	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp do chưa có Quyết định của Cơ quan thuế	6.326.976.646	-	6.326.976.646	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động duy tu và tiện ích công cộng Công ty nộp hộ Ban quản lý Hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	5.364.230.476	-	5.364.230.476	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động kinh doanh bất động sản	1.505.242.100	-	1.416.010.289	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.254.189.459	-	351.511.227	-
Cộng	19.528.589.760	-	19.752.130.749	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Tiền ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án Nhà ở xã hội – Chung cư Tanimex tại Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kinh doanh nhà Êm Đềm – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	1.115.602.131	-	Trên 03 năm	1.615.602.131	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác – Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 06 tháng đến 01 năm	107.315.920	75.121.144	Từ 06 tháng đến 01 năm	5.000.000	3.500.000
Cộng		1.222.918.051	75.121.144		1.620.602.131	3.500.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Phải thu ngắn hạn	Phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	1.500.000	1.615.602.131	1.617.102.131
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	30.694.776	(500.000.000)	(469.305.224)
Số cuối năm	32.194.776	1.115.602.131	1.147.796.907

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	59.090.908	-	108.453.380.625	-
Hàng hóa	1.327.991.561	-	1.327.991.561	-
Cộng	1.387.082.469	-	109.781.372.186	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ công nghệ thông tin	87.000.000	87.000.000
Chi phí thuê đất	1.403.155.087	-
Chi phí tư vấn dự án	-	17.727.273
Cộng	1.490.155.087	104.727.273

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua sắm trang thiết bị	502.991.246	1.051.708.970
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp hiện hữu	15.771.390.835	15.385.343.905
Chi phí hạ tầng Khu công nghiệp mở rộng	128.004.754.107	132.834.789.033
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Long Hậu	29.567.155.460	-
Chi phí sửa chữa	961.015.156	-
Chi phí thuê máy	114.499.996	213.294.872
Các chi phí trả trước dài hạn khác	450.632.000	33.721.702
Cộng	175.372.438.800	149.518.858.482

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

10. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	337.000.000	215.611.113	121.388.887
Khấu hao trong năm		76.666.668	
Số cuối năm	337.000.000	292.277.781	44.722.219

Trong đó, tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 107.000.000 VND.

11. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	482.695.780.228	236.807.497.843	245.888.282.385
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	29.698.521.359		
Khấu hao trong năm		35.398.865.444	
Số cuối năm	512.394.301.587	272.206.363.287	240.187.938.300

Bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn cho thuê là 126.300.854.026 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà văn phòng 80 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình	789.720.698	774.438.641	15.282.057
Nhà văn phòng 103 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình	425.543.401	408.459.623	17.083.778
Chi phí sửa chữa nâng cấp nhà 103 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình	202.808.182	202.808.182	-
Cửa hàng 01A, Quốc lộ 22, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn	354.426.778	354.426.778	-
Nhà văn phòng 161/2, Quốc lộ 22, Xã Trung Mỹ Tây, Huyện Hóc Môn	313.171.894	313.171.894	-
Nhà số 454 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình	572.728.446	557.104.140	15.624.306
Nhà số 442 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình	338.017.542	338.017.542	-
Nhà số 518 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình	238.938.793	238.938.793	-
Cụm kho xưởng 01 và 03 nhóm 01 từ kho 01 đến kho 08	35.934.329.141	35.934.329.141	-
Trường mầm non – Chung cư Tây Thạnh	6.072.835.480	6.072.835.480	-
Kho số 09 nhóm 01 cụm 02	4.252.244.340	4.252.244.340	-
Hệ thống PCCC kho số 9 – cụm 02	250.000.000	250.000.000	-
Kho số 18 cụm 06 Khu công nghiệp mở rộng	18.965.176.382	18.965.176.382	-
Kho số 06, 07, 08 cụm 06 nhóm 02	1.646.689.657	1.646.689.657	-
Kho số 08, 09, 10, 11 cụm 02 Khu công nghiệp mở rộng	38.133.285.009	38.133.285.009	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động	1.669.120.527	1.669.120.527	-
Trường THPT Sơn Kỳ	37.043.720.637	18.340.565.954	18.703.154.683
Cụm sân tennis nhóm 1	2.152.619.905	2.152.619.905	-
02 sân bóng đá mini và công viên cây xanh			
cụm 03 nhóm 02	1.681.506.303	1.681.506.303	-
Trạm cấp nước 10 m ³ /giờ	1.100.748.212	1.100.748.212	-
Trạm cấp nước số 02	1.008.803.169	1.008.803.169	-
Trạm cấp nước số 03	1.593.370.453	1.593.370.453	-
Giá trị xây lắp văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	23.987.847.562	6.111.361.167	17.876.486.395
Hệ thống điều hoà văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	4.882.393.384	4.729.818.575	152.574.809
Hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét văn phòng	915.917.364	915.917.364	-
Trạm biến thế và máy phát điện văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	2.541.916.363	2.541.916.363	-
Hệ thống thang máy văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	866.818.182	866.818.182	-
Nội thất văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	1.110.014.249	1.110.014.249	-
Hệ thống âm thanh, camera văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	701.292.678	701.292.678	-
Hệ thống phòng cháy chữa cháy – kho xưởng cụm 01	1.225.826.991	1.225.826.991	-
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 01	12.598.241.052	8.276.555.209	4.321.685.843
Hệ thống phòng cháy chữa cháy – kho xưởng cụm 02	1.308.337.906	1.308.337.906	-
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 02	12.619.106.953	7.976.986.773	4.642.120.180
Hệ thống làm mát không khí – kho xưởng cụm 2	88.800.000	88.800.000	-
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 03	13.361.914.071	8.111.552.418	5.250.361.653
Hệ thống phòng cháy chữa cháy – kho xưởng cụm 03	1.386.713.979	1.386.713.979	-
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 04	16.376.091.090	9.532.691.464	6.843.399.626
Hệ thống phòng cháy chữa cháy – kho xưởng cụm 04	1.499.163.158	1.457.519.753	41.643.405
Hệ thống làm mát không khí – kho xưởng cụm 01 – 02	177.600.000	177.600.000	-
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 01 – 06	27.244.605.834	14.032.684.372	13.211.921.462
Hệ thống phòng cháy chữa cháy kho xưởng cụm 01-06	1.895.728.729	1.632.433.082	263.295.647
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 01 – 05	22.762.024.135	11.346.229.775	11.415.794.360
Sàn lửng bên trong kho xưởng cụm 01 – 05	7.588.466.224	7.566.692.716	21.773.508
Hệ thống phòng cháy chữa cháy kho xưởng cụm 01 – 05	1.876.623.905	1.563.853.258	312.770.647
Nhà văn phòng kho 01 – 05 Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng	1.632.950.930	1.551.303.391	81.647.539

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Hệ thống phòng cháy chữa cháy nhà văn phòng kho 01 – 05 Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng	59.090.909	53.181.840	5.909.069
04 sân Tennis, khán đài sân Tennis	3.102.036.073	1.395.916.244	1.706.119.829
Máy bơm phòng cháy chữa cháy kho 6, 7, 8	141.176.500	105.882.384	35.294.116
Hệ thống phòng cháy chữa cháy kho lô II	210.594.025	152.095.684	58.498.341
Kho số 07 cụm 08 Khu công nghiệp Tân Bình	44.184.800.944	16.187.040.106	27.997.760.838
Hệ thống Phòng cháy chữa cháy – Kho số 06 cụm 08	3.587.456.818	2.192.334.717	1.395.122.101
Hệ thống thang nâng hàng – Kho số 07	1.281.818.182	783.333.322	498.484.860
Garage Cụm 3 Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng	7.372.784.815	2.451.902.757	4.920.882.058
Hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình Garage Cụm 3 Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng	680.964.661	368.579.689	312.384.972
Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động – Kho xưởng 8, 9, 10, 11 (Khu Công nghiệp Tân Bình mở rộng)	3.427.042.818	2.227.577.968	1.199.464.850
Giá trị máy phát điện dự phòng cửa hàng bán lẻ xăng dầu Khu công nghiệp Tân Bình 2	476.840.000	193.006.678	283.833.322
Giá trị hệ thống PCCC cửa hàng bán lẻ xăng dầu Khu Công nghiệp Tân Bình 2	353.962.818	200.578.920	153.383.898
Giá trị lưới TT ngầm & TBT 160KVA cửa hàng bán lẻ xăng dầu Khu công nghiệp Tân Bình 2	471.592.000	267.235.478	204.356.522
Giá trị hệ thống camera cửa hàng bán lẻ xăng dầu Khu công nghiệp Tân Bình 2	53.619.000	50.640.178	2.978.822
Giá trị xây lắp cửa hàng bán lẻ xăng dầu Khu công nghiệp Tân Bình 2	8.392.439.368	2.377.857.830	6.014.581.538
Giá trị 06 trụ bơm xăng Khu công nghiệp Tân Bình 2	1.998.000.000	943.500.000	1.054.500.000
Giá trị nhà văn phòng, đường nội bộ, hàng rào Garage cụm 3, 4 Khu công nghiệp Tân Bình 2	1.947.106.364	551.680.124	1.395.426.240
Khung thép móng máy nhà văn phòng kho số 9 nhóm công nghiệp 1	5.703.265.824	1.286.238.058	4.417.027.766
Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động xí nghiệp thổi màng phức hợp kho số 9 – nhóm công nghiệp 1	407.643.636	224.204.013	183.439.623
Hệ thống báo cháy tự động, kho số 8 Khu công nghiệp Tân Bình 2	252.335.011	117.471.306	134.863.705
Hệ thống báo cháy tự động, kho số 9 Khu công nghiệp Tân Bình 2	264.002.800	122.903.070	141.099.730
Hệ thống báo cháy tự động, kho số 11 Khu công nghiệp Tân Bình 2	472.833.533	220.121.490	252.712.043
Hệ thống báo cháy tự động, kho số 10 Khu công nghiệp Tân Bình 2	251.770.977	134.277.856	117.493.121
Chi phí xây dựng nhà kho cao tầng số 2. CN1. Khu công nghiệp Tân Bình	26.330.852.924	2.208.199.969	24.122.652.955
Hệ thống thang máy – nhà kho cao tầng số 2	410.163.636	86.102.016	324.061.620

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét – nhà kho cao tầng số 2	1.861.315.576	390.729.468	1.470.586.108
Hệ thống báo cháy tự động Kho 18 – Khu công nghiệp Tân Bình Mở rộng	2.661.107.874	548.305.197	2.112.802.677
Chi phí xây dựng nhà kho cao tầng số 1 Khu công nghiệp Tân Bình	38.811.231.744	2.700.436.766	36.110.794.978
Hệ thống thang máy – nhà kho cao tầng số 1	3.522.890.910	620.722.130	2.902.168.780
Hệ thống PCCC và chống sét – nhà kho cao tầng số 1	1.923.585.259	338.929.588	1.584.655.671
Lưới TT ngầm và TBT 400KVA – nhà kho cao tầng số 1	650.909.090	114.688.107	536.220.983
Máy phát điện dự phòng 400KVA – nhà kho cao tầng số 1	445.454.546	78.487.674	366.966.872
Giá trị tài sản trên đất tòa nhà 477 Lê Trọng Tấn và hạ tầng giao thông, sân bãi	10.833.420.000	790.726.668	10.042.693.332
Giá trị xây dựng văn phòng Khu công nghiệp Tân Bình	18.206.111.224	719.781.547	17.486.329.677
Hệ thống thang máy văn phòng Khu công nghiệp Tân Bình	1.160.424.545	143.883.289	1.016.541.256
Lưới trạm biến thế 400KVA văn phòng Khu công nghiệp Tân Bình	667.272.728	82.736.442	584.536.286
Hệ thống máy lạnh văn phòng Khu công nghiệp Tân Bình	3.481.765.069	431.710.788	3.050.054.281
Hệ thống PCCC & chống sét văn phòng Khu công nghiệp Tân Bình	526.370.745	68.865.729	457.505.016
Hệ thống camera văn phòng Khu công nghiệp Tân Bình	132.147.750	17.348.275	114.799.475
Trạm biến thế 3x37.5 kva, 15-22/0.4kv kho số 1 nhóm CN1 Khu công nghiệp Tân Bình	100.000.000	18.279.571	81.720.429
Hệ thống tưới nước tự động văn phòng Khu Công nghiệp Tân Bình	589.554.839	29.477.742	560.077.097
Cỗ lá gừng – Nhà xe cao tầng số 1 Khu Công nghiệp Tân Bình	156.256.364	7.812.819	148.443.545
Hệ thống PCCC, báo cháy tự động, bể nước ngầm (121M2) – Đồng hồ cấp nước kho 9 CN1	1.442.090.000	-	1.442.090.000
Cộng	512.394.301.587	272.206.363.287	240.187.938.300

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Khu chung cư Tân Bình	63.076.795.660	-
Dự án Khu dân cư Khu công nghiệp mở rộng	29.191.231.805	-
Dự án nhà lưu trú công nhân (nhà ở xã hội) Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng	14.390.828.994	-
Dự án khu phụ trợ nhà ở và dân cư (góc đường DC12 & 13, Phường Sơn Kỳ)	3.920.018.113	-
Cộng	110.578.874.572	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.735.024.239	12.814.940.990
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát	1.063.599.285	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thịnh Phát	647.064.000	270.273.556
Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ Tân Bình Tanimex	24.360.954	36.905.822
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá Trị (*)	-	141.289.576
Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình Tanimex	-	12.366.472.036
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.119.528.855	9.595.807.049
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc	1.003.692.800	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Môi trường Việt An	365.405.200	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Tây Nam	105.675.050	7.683.215.925
Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ Hưng Phát	-	691.391.175
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá Trị (*)	13.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	631.755.805	1.221.199.949
Cộng	3.854.553.094	22.410.748.039

(*) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng một số cổ phần của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá Trị, từ ngày 21 tháng 01 năm 2020 tỷ lệ sở hữu của khoản đầu tư này là 19,50% nên Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá Trị không còn là bên liên quan nữa.

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm (*)	Số đã thực nộp trong năm	Số được hoàn nhập (**)	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	8.964.303.145	(7.837.218.835)	-	1.127.084.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	6.711.154.767	19.483.958.400	(16.702.855.562)	(65.525.023)	9.426.732.582
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	10.205.329	154.756.834	(156.139.663)	-	8.822.500
Thuế thu nhập cá nhân	132.680.260	3.730.529.407	(3.742.946.979)	-	120.262.688
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.332.493.108	8.391.706.056	(5.111.578.814)	-	5.612.620.350
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	9.186.533.464	40.729.253.842	(33.554.739.853)	(65.525.023)	16.295.522.430

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*)	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ đối với thu nhập từ nguồn phí duy tu	640.067.119
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	18.843.891.281
	Cộng	19.483.958.400

(**) Hoàn nhập thuế TNDN tạm nộp 01% từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tiền sử dụng đất, phí bảo vệ môi trường, chuyển nhượng cổ phần	Không chịu thuế
- Thuê mặt bằng, kho xưởng, bán chung cư,...	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	106.232.377.774	132.596.636.157
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.848.550.630	5.572.792.187
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	109.080.928.404	138.169.428.344
Thu nhập được miễn thuế	(14.861.472.000)	(12.137.938.800)
Thu nhập tính thuế	94.219.456.404	126.031.489.544
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	18.843.891.281	25.206.297.908

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Lương tháng 13, lương hiệu quả kinh doanh và quỹ dự phòng tiền lương còn phải trả người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả

18a. Chi phí phải trả ngắn hạn

Trích trước chi phí lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận Chung cư Sơn Kỳ 01.

18b. Chi phí phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn phí duy tu bảo dưỡng Khu Công nghiệp Tân Bình	36.476.072.495	35.439.812.145
Trích trước chi phí hạ tầng Khu Công nghiệp Tân Bình 1	38.175.052.548	37.591.211.584
Cộng	74.651.125.043	73.031.023.729

19. Doanh thu chưa thực hiện

19a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	<i>476.022.728</i>	<i>467.689.396</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát – Tiền thuê đất	401.022.728	401.022.728
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thịnh Phát – Tiền thuê mặt bằng	75.000.000	66.666.668
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>4.169.923.493</i>	<i>4.278.155.251</i>
Tiền thu bán nhà, thuê đất, thuê kho xưởng	4.169.923.493	4.278.155.251
Cộng	4.645.946.221	4.745.844.647

19b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan</i>	<i>9.878.526.632</i>	<i>8.515.049.360</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát – Tiền thuê đất	9.878.526.632	8.515.049.360
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>105.081.800.094</i>	<i>108.215.969.745</i>
Tiền thuê đất	104.594.218.276	107.337.723.276
Tiền thuê kho xưởng	-	390.664.651
Tiền nền đất	487.581.818	487.581.818
Cộng	114.960.326.726	116.731.019.105

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>3.000.000</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình Tanimex – Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	-	3.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>19.786.632.562</i>	<i>34.793.696.729</i>
Kinh phí công đoàn	37.992.000	39.802.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.254.002.390	2.015.844.799
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.420.727.350	1.318.491.475

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền đền bù tái định cư	-	24.278.081.877
Phí bảo trì chung cư	34.198.827	33.038.198
Tiền bồi thường phải trả	6.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.084.711.995	1.108.438.380
Cộng	19.831.632.562	34.796.696.729

20b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	773.910.865	709.770.569
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thịnh Phát – Phải trả tiền nhận ký quỹ ký cược dài hạn	773.910.865	709.770.569
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	95.820.976.329	61.634.175.448
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	64.072.998.812	57.731.945.508
Tiền đền bù tái định cư	25.977.547.577	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	5.770.429.940	3.902.229.940
Cộng	96.594.887.194	62.343.946.017

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận			Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	Tăng khác			
Quỹ khen thưởng	23.521.646.027	8.398.067.649	19.980.000	(3.131.900.000)	28.807.793.676
Quỹ phúc lợi	3.586.841.345	7.517.323.677	1.257.636.000	(9.523.847.490)	2.837.953.532
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	674.412.729	900.000.000	-	(390.866.000)	1.183.546.729
Cộng	27.782.900.101	16.815.391.326	1.277.616.000	(13.046.613.490)	32.829.293.937

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

22b. Thông tin về tình hình sử dụng vốn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của năm trước

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Tổng số lượng phát hành thêm là 3.600.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, giá phát hành dự kiến 25.000 VND/cổ phiếu. Toàn bộ số lượng phát hành thêm 3.600.000 cổ phiếu là phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Trong năm trước, Công ty đã chào bán 3.600.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và các đối tác tiềm năng để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 17 tháng 01 năm 2019, số lượng cổ phiếu đã bán được là 3.600.000. Ngày 25 tháng 01 năm 2019 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 VND.

Mục đích phát hành: Dùng để sử dụng cho dự án Chung cư Bình Tân (Chung cư Milky Way) Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thực tế thực hiện: Công ty đã thu đủ 90.000.000.000 VND từ đợt phát hành cổ phiếu này. Tuy nhiên đến nay, Công ty vẫn đang còn trong giai đoạn hoàn thành một số pháp lý dở dang của dự án nên chưa sử dụng nguồn tiền phát hành của đợt này. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty đã gửi ngân hàng có kỳ hạn toàn bộ số tiền 90.000.000.000 đồng để gia tăng lợi nhuận cho Công ty (xem thuyết minh V.2a).

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	75.000.000.000	30.000.000.000	45.000.000.000
• Trích Quỹ khen thưởng	5.369.516.912	-	5.369.516.912
• Trích Quỹ phúc lợi	7.517.323.677	-	7.517.323.677
• Trích tngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và các tiểu ban	900.000.000	-	900.000.000
• Trích thường vượt kế hoạch	3.028.550.737	-	3.028.550.737

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2020 cho các cổ đông với số tiền 37.500.000.000 VND theo Quyết định Hội đồng quản trị số 12/QĐ-HĐQT ngày 06 tháng 5 năm 2020.

Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 13/QĐ-HĐQT Ngày 28 tháng 10 năm 2020, Công ty đã thông báo về việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2020 cho các cổ đông với số tiền là 37.500.000.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

23a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 9.010,89 USD (số đầu năm là 9.074,14 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
DNTN Sản xuất Thương mại Vũ Việt Long	113.370.056	113.370.056	Đã đóng mã số thuế trên hệ thống cơ quan thuế.
Công ty Cổ phần Xây lắp Toàn Trung	200.000.000	200.000.000	Địa điểm không xác định
Công ty Cổ phần Giấy Sài Thành	84.661.045	84.661.045	Công ty đã làm hồ sơ kiện
Các khách hàng khác			- Có xác nhận của địa phương là hộ nghèo; - Địa điểm không xác định.
	110.231.697	110.231.697	
Cộng	508.262.798	508.262.798	

Công nợ khó đòi này đã được xử lý trong niên độ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2018.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ ⁽ⁱ⁾	179.972.738.475	229.509.885.806
Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.017.211.819	10.643.752.233
Cộng	181.989.950.294	240.153.638.039

⁽ⁱ⁾ Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	173.497.076.408	185.075.999.759
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	(46.865.126.111)	52.512.365.522
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	126.631.950.297	132.563.634.237

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	46.865.126.111	52.512.365.522
Giá vốn của thành phẩm bất động sản đã bán	1.973.852.783	10.678.027.942
Cộng	48.838.978.894	63.190.393.464

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	11.709.013.223	10.673.780.999
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	29.532.661	54.394.973
Lãi tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	4.010.319.862	1.559.863.014
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.861.472.000	12.137.938.800
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.021.361	-
Lãi bán hàng trả chậm	1.514.105.595	249.818.411
Lãi chuyển nhượng vốn góp	4.426.234.878	6.446.581.957
Cộng	36.565.699.580	31.122.378.154

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	717.637.168
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.144.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.706.037	1.247.321
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.387.376.242	1.040.908.592
Chi phí tài chính khác	-	36.128.946
Cộng	1.395.226.279	1.795.922.027

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.562.608.925	6.187.886.225
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	692.084.228	368.665.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.944.975.419	1.797.335.833
Chi phí ủy thác kinh doanh	5.567.198.433	3.875.940.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.834.777.919	24.027.636.928
Chi phí khác	5.376.128.519	10.958.919.989
Cộng	40.977.773.443	47.216.384.663

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.563.519.272	16.641.289.635
Chi phí vật liệu quản lý	94.741.437	118.693.630
Chi phí đồ dùng văn phòng	533.211.876	518.082.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.208.444.998	2.999.915.985
Thuế, phí và lệ phí	8.544.632	80.598.090
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(469.305.224)	(569.328.881)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.012.782	268.434.245
Chi phí khác	2.962.912.947	4.218.604.453
Cộng	22.146.082.720	24.276.289.194

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.007.260.771	36.824.773
Tiền bồi thường	-	209.391.000
Thu nhập khác	27.583.525	399.712.189
Cộng	1.034.844.296	645.927.962

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	87.388.486.493	107.390.338.249
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.486.618.379)	(12.886.840.590)
Trích ngân sách hoạt động Hội đồng quản trị và các tiểu ban	(900.000.000)	(900.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	76.001.868.114	93.603.497.659
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	30.000.000	28.944.658
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.533	3.234

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.320.037.541	1.005.440.981
Chi phí nhân công	23.126.128.197	22.829.175.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.153.420.417	4.797.251.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.645.989.134	28.172.011.547
Chi phí khác	7.878.280.874	14.688.793.651
Cộng	63.123.856.163	71.492.673.857

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	462.926.245	20.154.111.677
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	452.396.000	3.112.621.772
Nợ phải thu thanh lý tài sản cố định	-	2.970.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	150.431.355.211	136.810.266.842
Trên 01 năm đến 05 năm	335.352.648.840	206.833.058.282
Trên 05 năm	97.168.525.069	90.107.989.173
Cộng	582.952.529.120	433.751.314.297

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 173.497.076.408 VND (năm trước là 185.064.636.122 VND).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Minh Tâm		
Chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ – Giáo dục Trí Đức	4.015.899.000	-
Ông Trần Quang Trường		
Chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá Trị	1.420.000.000	-
Tạm ứng	500.000.000	-
Ông Lê Trọng Lập		
Chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình Tanimex	14.101.950.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	5.930.400.000	5.755.800.000
Các khoản thưởng và phụ cấp	2.047.200.000	1.689.600.000
Cộng	7.977.600.000	7.445.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sản xuất – Dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)	Công ty liên kết đến ngày 10 tháng 10 năm 2019
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Minh Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giá trị	Công ty liên kết đến ngày 20 tháng 01 năm 2020
Công ty Cổ phần Dịch vụ – Giáo dục Trí Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Việt Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thịnh Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Nam Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Giáo dục Đức Nhân	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Tân Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Kiến Đức	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.14, V.18 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: cung cấp dịch vụ (cho thuê đất và kho xưởng).
- Lĩnh vực 02: kinh doanh bất động sản (bán nền đất, bán nhà và chung cư).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	179.972.738.475	2.017.211.819	181.989.950.294
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.972.738.475	2.017.211.819	181.989.950.294
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	133.107.612.364	43.359.036	133.150.971.400
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(63.123.856.163)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			70.027.115.237

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Doanh thu hoạt động tài chính			36.565.699.580
Chi phí tài chính			(1.395.226.279)
Thu nhập khác			1.034.844.296
Chi phí khác			(55.060)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(18.843.891.281)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			87.388.486.493
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	53.369.639.677	264.373.893	53.634.013.570
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.787.202.076	132.116.028	11.919.318.104
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	918.071.018	-	918.071.018
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	228.669.577.678	10.643.752.233	239.313.329.911
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	228.669.577.678	10.643.752.233	239.313.329.911
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	176.157.212.156	(34.275.709)	176.122.936.447
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(71.492.673.857)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			104.630.262.590
Doanh thu hoạt động tài chính			31.122.378.154
Chi phí tài chính			(1.795.922.027)
Thu nhập khác			645.927.962
Chi phí khác			(2.006.010.522)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(25.206.297.908)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			107.390.338.249
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	69.819.424.623	3.249.844.882	73.069.269.505
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	18.571.376.966	864.431.277	19.435.808.243
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(569.328.881)	-	(569.328.881)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	240.187.938.300	111.965.957.041	352.153.895.341
Tài sản phân bổ cho bộ phận	362.395.237.237	17.776.160.083	380.171.397.320
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			409.561.677.927
Tổng tài sản			1.141.886.970.588
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	333.500.078.929	3.368.687.666	336.868.766.595
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			32.829.293.937
Tổng nợ phải trả			369.698.060.532
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	245.888.282.385	109.781.372.186	355.669.654.571
Tài sản phân bổ cho bộ phận	326.914.136.005	13.601.153.268	340.515.289.273
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			444.945.806.780
Tổng tài sản			1.141.130.750.624
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	314.589.039.292	14.642.996.342	329.232.035.634
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			27.782.900.101
Tổng nợ phải trả			357.014.935.735

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.445.435.710	-	-	-	120.445.435.710
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	215.800.000.000	-	-	-	215.800.000.000
Phải thu khách hàng	28.872.124.877	-	-	1.222.918.051	30.095.042.928
Các khoản phải thu khác	17.358.590.014	-	-	-	17.358.590.014
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.201.250.000	-	-	8.020.000.000	30.221.250.000
Cộng	404.677.400.601	-	-	9.242.918.051	413.920.318.652
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.999.821.434	-	-	-	75.999.821.434
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	210.000.138.889	-	-	-	210.000.138.889
Phải thu khách hàng	49.831.509.938	-	-	1.620.602.131	51.452.112.069
Các khoản phải thu khác	6.549.575.453	-	-	-	6.549.575.453
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	18.301.250.000	-	-	8.020.000.000	26.321.250.000
Cộng	360.682.295.714	-	-	9.640.602.131	370.322.897.845

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	3.854.553.094	-	-	3.854.553.094
Các khoản phải trả khác	19.818.698.744	171.291.012.237	-	191.109.710.981
Cộng	23.673.251.838	171.291.012.237	-	194.964.264.075
Số đầu năm				
Phải trả người bán	22.410.748.039	-	-	22.410.748.039
Các khoản phải trả khác	34.826.952.911	135.374.969.746	-	170.201.922.657
Cộng	57.237.700.950	135.374.969.746	-	192.612.670.696

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 và ngày 30 tháng 9 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.010,89	9.074,14
Tài sản/ (Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	9.010,89	9.074,14

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản tương đương tiền	85.000.000.000	40.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	140.500.000.000	170.000.138.889
Tài sản/ (Nợ phải trả) thuần	225.500.000.000	210.000.138.889

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các tiền gửi VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ tăng/giảm 4.510.000.000 VND (năm trước tăng/giảm 4.200.002.778 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 và tại ngày 30 tháng 9 năm 2019.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.445.435.710	-	75.999.821.434	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	215.800.000.000	-	210.000.138.889	-
Phải thu khách hàng	30.095.042.928	(1.147.796.907)	51.452.112.069	(1.617.102.131)
Các khoản phải thu khác	17.358.590.014	-	6.549.575.453	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	30.221.250.000	(5.601.993.758)	26.321.250.000	(4.087.968.858)
Cộng	413.920.318.652	(6.749.790.665)	370.322.897.845	(5.705.070.989)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	3.854.553.094	22.410.748.039
Các khoản phải trả khác	191.109.710.981	170.201.922.657
Cộng	194.964.264.075	192.612.670.696

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện đã được trình bày ở thuyết minh V.22d, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2020



Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập biểu



Hà Thị Thu Thảo
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

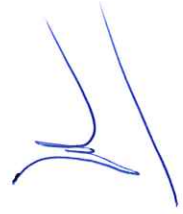
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

							Đơn vị tính: VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	37.265.983.642	978.161.353	19.297.167.182	1.735.754.474	2.790.942.551	84.592.416.901	146.660.426.103
Mua trong năm	-	-	4.950.000.000	-	-	-	4.950.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(131.174.325)	-	-	-	-	-	(131.174.325)
Số cuối năm	37.134.809.317	978.161.353	24.247.167.182	1.735.754.474	2.790.942.551	84.592.416.901	151.479.251.778
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.975.883.867	438.177.353	3.411.054.000	1.069.979.656	2.790.942.551	84.082.789.810	106.768.827.237
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	26.994.261.825	715.669.136	8.098.320.043	1.251.570.169	2.790.942.551	84.278.000.980	124.128.764.704
Khấu hao trong năm	1.865.390.721	89.997.336	1.786.209.275	233.230.997	-	101.925.420	4.076.753.749
Thanh lý, nhượng bán	(131.174.325)	-	-	-	-	-	(131.174.325)
Số cuối năm	28.728.478.221	805.666.472	9.884.529.318	1.484.801.166	2.790.942.551	84.379.926.400	128.074.344.128
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	10.271.721.817	262.492.217	11.198.847.139	484.184.305	-	314.415.921	22.531.661.399
Số cuối năm	8.406.331.096	172.494.881	14.362.637.864	250.953.308	-	212.490.501	23.404.907.650
Trong đó:							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2020


 Hà Thị Thu Thảo
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Thị Ngọc Thơm
 Người lập


 Trần Quang Trường
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

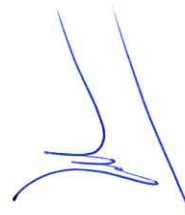
Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào BĐS đầu tư trong năm	Số cuối năm
- Công trình văn phòng Khu Công nghiệp Tân Bình	16.405.962.607	8.357.684.293	(24.763.646.900)	-
- Công trình nhà xe, nhà kho cao tầng số 1	-	1.714.894.545	(1.714.894.545)	-
- Công trình kho xưởng Khu Công nghiệp Tân Bình	-	3.063.723.550	(3.063.723.550)	-
- Trạm quan trắc nhà máy xử lý nước thải	-	1.342.246.181	-	1.342.246.181
- Công trình khác	-	1.891.892.727	(156.256.364)	1.735.636.363
	<u>16.405.962.607</u>	<u>16.370.441.296</u>	<u>(29.698.521.359)</u>	<u>3.077.882.544</u>

Đơn vị tính: VND



Nguyễn Thị Ngọc Thom
Người lập



Hà Thị Thu Tháo
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2020




Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	264.000.000.000	116.819.317.127	147.031.853.857	143.384.042.487	671.235.213.471
Phát hành cổ phiếu	36.000.000.000	54.000.000.000	-	-	90.000.000.000
Chi phí liên quan đến việc phát hành cổ phiếu	-	(144.300.000)	-	-	(144.300.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	107.390.338.249	107.390.338.249
Trích lập các quỹ	-	-	4.334.340.154	(17.299.776.985)	(12.965.436.831)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(41.400.000.000)	(41.400.000.000)
Tạm ứng cổ tức trong năm trước	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	300.000.000.000	170.675.017.127	151.366.194.011	162.074.603.751	784.115.814.889
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	170.675.017.127	151.366.194.011	162.074.603.751	784.115.814.889
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	87.388.486.493	87.388.486.493
Trích lập các quỹ	-	-	-	(16.815.391.326)	(16.815.391.326)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức trong năm nay	-	-	-	(37.500.000.000)	(37.500.000.000)
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	170.675.017.127	151.366.194.011	150.147.698.918	772.188.910.056

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2020

Hà Thị Thu Thảo
Kế toán trưởng

Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập